

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1967~~ /2014/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 6 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý  
chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại văn bản số 1456/SXD-QLCL ngày 10/4/2014 về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

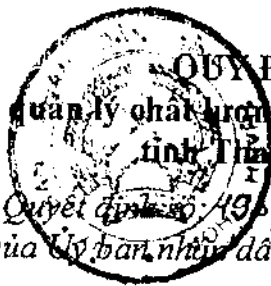
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CN. M.QĐ 4.10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Hồi**



**QUY ĐỊNH**  
Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn  
tỉnh Thanh Hoá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4967 /2014/QĐ-UBND ngày 25/6/2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng của các cơ quan chuyên môn về xây dựng và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng, khai thác và sử dụng công trình xây dựng; bảo hành công trình xây dựng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với các Sở, ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (viết tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã); chủ đầu tư (nhà đầu tư), các nhà thầu trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Thanh Hoá.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

**Điều 3. Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện (thực hiện Khoản 4 Điều 41, Khoản 1 Điều 44, Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình dân dụng (quy định tại Mục I); công trình công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (quy định tại Điểm 1 Mục II) và công trình hạ tầng kỹ thuật (quy định tại Mục III) - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; trừ công trình đê biển (hải đăng) và hệ thống thông tin, tín hiệu báo đảm giao thông đường sông, đường biển.

2. Sở Công thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ các công trình công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng). Công trình công nghiệp quy định tại Mục II - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; công trình đền biển (hải đăng) và hệ thống thông tin, tín hiệu bảo đảm giao thông đường sông, đường biển.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Mục V của Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

5. Ban quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình thuộc khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp được giao quản lý.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng: Các công trình do UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng; các công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân; các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND tỉnh uỷ quyền đầu tư và các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư.

**Điều 4. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế xây dựng của các cơ quan chuyên môn về xây dựng (thực hiện Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD)**

1. Sở Xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình nhà máy xi măng cấp II, cấp III; các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD và các công trình tại Điểm a Khoản 5 Điều này), bao gồm:

a) Nhà chung cư từ cấp II, cấp III, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên;

b) Công trình công cộng cấp II, cấp III;

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, cấp III đối với công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và cấp II đối với công trình sử dụng vốn khác, riêng các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp;

d) Các công trình nhà máy xi măng cấp II, cấp III.

2. Sở Công thương thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD và các công trình nhà máy Xi măng), bao gồm:

Công trình đường dây tải điện, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, Trạm biến áp; nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin cấp II, cấp III; đối với các công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp không phân biệt cấp.

3. Sở Giao thông vận tải thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD), bao gồm:

Cầu, hầm, đường bộ cấp II, cấp III đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và cấp II đối với công trình sử dụng vốn khác; công trình đường sắt, sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra thiết kế các công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD) và các công trình quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này), bao gồm:

Hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, công lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác không phân biệt cấp (cấp II, cấp III, cấp IV).

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm tra thiết kế các công trình trên địa bàn huyện đối với các công trình do UBND cấp huyện và UBND cấp xã làm chủ đầu tư, bao gồm:

a) Công trình công cộng cấp III có diện tích sàn  $\leq 500m^2$  hoặc số tầng  $\leq 2$  tầng hoặc chiều dài nhịp kết cấu lớn nhất  $\leq 12m$ ;

b) Công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Công trình cấp IV, trừ các công trình: Hồ chứa nước, tràn xả lũ và đập ngăn nước.

6. Cấp công trình nêu tại các khoản 1; 2; 3; 4; 5 Điều này được quy định tại Phụ lục 1 về Phân cấp các loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

7. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều này thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

8. Trường hợp trong một dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình của dự án là cơ quan thực hiện thẩm tra thiết kế đối với loại công trình chính của dự án.

**Điều 5. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của các cơ quan chuyên môn về xây dựng (thực hiện Khoản 6, Khoản 8 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD)**

1. Sở Xây dựng kiểm tra các công trình nhà máy Xi măng cấp II, cấp III; các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và các công trình công trình quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều này), bao gồm:

- a) Nhà chung cư từ cấp II, cấp III, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên;
- b) Công trình công cộng cấp II, cấp III;
- c) Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, cấp III đối với công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và cấp II đối với công trình sử dụng vốn khác, riêng các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp;
- d) Các công trình nhà máy xi măng cấp II, cấp III.

2. Sở Công thương kiểm tra công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và các công trình Nhà máy Xi măng) bao gồm:

Công trình đường dây tải điện, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, Trạm biến áp; nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin cấp II, cấp III; đối với các công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp không phân biệt cấp.

3. Sở Giao thông vận tải kiểm tra các công trình giao thông quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và các công trình tại Điểm b Khoản 6 Điều này), bao gồm:

Cầu, hầm, đường bộ cấp II, cấp III đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và cấp II đối với công trình sử dụng vốn khác; công trình đường sắt, sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và các công trình tại Điểm c Khoản 6 Điều này), bao gồm:

Hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và các công trình thủy lợi khác không phân biệt cấp (cấp II, cấp III, cấp IV).

5. Ban Quản lý khu Kinh tế nghị Sơn:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD (Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện đối với từng trường hợp cụ thể).

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng trên địa bàn huyện đối với các công trình do UBND cấp huyện và UBND cấp xã làm chủ đầu tư, bao gồm:

a) Công trình công cộng cấp III có diện tích sàn  $\leq 500m^2$  hoặc số tầng  $\leq 2$  tầng hoặc chiều dài nhịp kết cấu lớn nhất  $\leq 12m$ ;

b) Công trình giao thông cấp III có thiết kế 01 bước (lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

c) Công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp IV, cấp III; trừ các công trình: Hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ.

7. Cấp công trình nêu tại các khoản 1; 2; 3; 4; 5; 6 Điều này được quy định tại Phụ lục 1 về Phân cấp các loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

8. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 3 Quy định này thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu chuyên bước giai đoạn thi công, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

9. Đối với các công trình không phải kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (các công trình không thuộc diện quy định nêu tại các khoản 1; 2; 3; 4; 6 Điều này) thì chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

10. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra tất cả các công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo các quy định tại Điều này và mời các cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

## Chương II

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

**Điều 6. Trách nhiệm của Sở Xây dựng (thực hiện Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các công việc sau:

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên (bao gồm: Các công trình xây dựng dân dụng, Giao thông, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật).

4. Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

5. Thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này. Nội dung thẩm tra thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

6. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Tham gia Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng lần cuối đối với công trình chuyên ngành Giao thông; Nông nghiệp và PTNT, Công nghiệp theo quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Văn bản Kết quả kiểm tra trong quá trình thi công theo mẫu tại Phụ lục 1c và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

7. Giúp UBND tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

8. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép

thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

9. Công bố trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý:

a) Công bố thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

b) Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

10. Báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng năm vào ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

11. Giúp UBND tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

**Điều 7. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Sở Công thương; Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thực hiện Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình chuyên ngành khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

2. Thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 4 Quy định này. Nội dung thẩm tra thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

3. Phối hợp với Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn.

4. Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Văn bản Kết quả kiểm tra trong quá trình thi công theo mẫu tại Phụ lục 1c và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 26 của Quy định này; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 3 Quy định này.

6. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

7. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

8. Kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn.**

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp mà Ban được giao quản lý. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD (Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện đối với từng trường hợp cụ thể).

3. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp do Ban quản lý.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh)**

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách theo quy định của Nhà nước và của UBND tỉnh.

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách khi các công trình (hoặc hạng mục công trình) được thi công và

nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Trong hồ sơ thanh, quyết toán vốn đầu tư phải có Văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này) của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điều 5 Quy định này.

### Chương III

## TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

**Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện (thực hiện Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Hướng dẫn UBND cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

4. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 24, Điều 25 của Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy định này.

5. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

**Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng**

Phòng Công thương (đối với các huyện), Phòng Quản lý đô thị (đối với thị xã, thành phố) là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện, chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm:

1. Trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Hướng dẫn UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Giúp UBND cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng công trình xây dựng.

4. Kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng, trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì báo cáo UBND cấp huyện tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn; Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5. Thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy định này. Nội dung thẩm tra thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Trường hợp Phòng không có đủ cán bộ chuyên môn phù hợp hoặc không đủ năng lực, điều kiện để thẩm tra thiết kế thì báo cáo UBND cấp huyện đề nghị Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện thẩm tra thiết kế.

6. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình quy định tại khoản 6 Điều 5 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Văn bản Kết quả kiểm tra trong quá trình thi công theo mẫu tại Phụ lục 1c và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

7. Giúp UBND cấp huyện trong việc thực hiện các nhiệm vụ: lập báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 24, Điều 25 của Quy định này; giải quyết sự cố, tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ; giải quyết những hư hỏng công trình lân cận, liên kế do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy định này.

8. Giúp UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

## **Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định của Điều 68 Luật Xây dựng; kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biên báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình gửi UBND cấp xã, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho UBND cấp huyện và UBND tỉnh về sự cố theo quy định Điều 24 của Quy định này.

4. Lập Hồ sơ sự cố công trình xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của dân thuộc phạm vi địa bàn; Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ của dân hoặc các công trình lân cận, liền kề công trình đang xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho người sử dụng hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố sụp đổ, phải có biện pháp tổ chức di chuyển người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm đồng thời báo cáo, đề xuất hướng xử lý với UBND cấp huyện.

5. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu phụ lục 4 kèm theo Quy định này); định kỳ 6 tháng/lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng công thương (đối với các huyện), Phòng Quản lý đô thị (đối với thị xã, thành phố) để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

## Chương IV

### TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

#### Điều 13. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Công tác quản lý chất lượng Khảo sát xây dựng (thực hiện Điều 13 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):

a) Lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực theo quy định (trên cơ sở các thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng được đăng tải công khai trên Website của cơ quan quản lý Nhà nước về Xây dựng) để thực hiện công tác khảo sát xây dựng.

b) Tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng và bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng (nếu có).

c) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong hợp đồng xây dựng của nhà thầu khảo sát xây dựng trong quá trình thực hiện khảo sát.

d) Tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với loại hình khảo sát để thực hiện giám sát công tác khảo sát xây dựng.

đ) Nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2. Công tác quản lý chất lượng thiết kế xây dựng (thực hiện Điều 18 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):

a) Tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình trên cơ sở báo cáo đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) hoặc chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực theo quy định (trên cơ sở các thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng được đăng tải công khai trên Website của cơ quan quản lý Nhà nước về Xây dựng) để lập thiết kế và thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (nếu có).

c) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong hợp đồng xây dựng của nhà thầu thiết kế, nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng.

d) Kiểm tra và trình thiết kế cơ sở cho người quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước.

đ) Tổ chức lập và phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật cùng với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Bắt buộc thực hiện lập chỉ dẫn kỹ thuật đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II. Đối với các công trình còn lại, chỉ dẫn kỹ thuật có thể được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng công trình.

e) Tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

g) Thực hiện thay đổi thiết kế theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

h) Tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình (thực hiện Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):

a) Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định (trên cơ sở các thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng được đăng tải công khai trên Website của cơ quan quản lý Nhà nước về Xây dựng) để thực hiện Thi công xây dựng công trình, Giám sát thi công xây dựng công trình, Kiểm định chất lượng công trình và các công việc tư vấn xây dựng khác;

b) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện. Trước khi thi công xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng phải thống nhất các nội dung về hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư và của nhà thầu; kế hoạch và biện pháp kiểm soát chất lượng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

c) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng và các văn bản, hướng dẫn liên quan của nhà nước và tỉnh; thông báo khởi công công trình bằng văn bản cho UBND cấp xã nơi xây dựng công trình theo quy định tại Điều 68 Luật Xây dựng.

Đối với các công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo giám cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp tại Điều 5 Quy định này các thông tin sau: tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình (theo Mẫu tại Phụ lục số 1a Quy định này);

d) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

đ) Kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình so với yêu cầu của hợp đồng xây dựng;

e) Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 6 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, bao gồm:

- Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình; thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng khi cần thiết;

- Kiểm tra biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường;

- Yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

- Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu;

\* \* \* Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công.

g) Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

h) Tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng yêu cầu;

i) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 4 Điều này;

k) Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công

trình xây dựng theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định tại Điều 27, Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

l) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biên pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt theo quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

m) Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biên pháp thi công không đảm bảo an toàn;

n) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình;

o) Lập báo cáo hoàn thành đưa công trình vào sử dụng hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu và gửi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng;

p) Chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại các Điểm c, d, e, i, k, o - Khoản 3 Điều này và một số công việc khác khi cần thiết. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện của nhà thầu tư vấn giám sát theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP:

a) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng bao gồm: nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng; nghiệm thu đối với các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình (trong trường hợp cần thiết); nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng thực hiện theo các Điều 20, 21, 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

b) Trong hợp đồng thi công xây dựng phải quy định rõ về các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; các căn cứ, điều kiện, quy trình, thời điểm, các tài liệu, biểu mẫu, biên bản và thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình, công trình hoàn thành. Kết quả nghiệm thu, bàn giao phải được lập thành biên bản.

c) Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định.

Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP còn phải được các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 5 Quy định này.

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (Thực hiện theo Công văn hướng dẫn số 2814/BXD-GD ngày 30/12/2013 của Bộ Xây dựng)

❖ Trình tự kiểm tra:

- Kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng:

o Chủ đầu tư gửi báo cáo các thông tin về công trình cho cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 5 Quy định này (mẫu báo cáo tại Phụ lục 1a Quy định này);

o Cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch và nội dung kiểm tra tại một số giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình (mẫu thông báo tại Phụ lục 1b Quy định này);

o Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình cho chủ đầu tư (mẫu thông báo tại Phụ lục 1c Quy định này).

- Kiểm tra công trình lần cuối:

o Cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch và nội dung kiểm tra công trình lần cuối sau khi nhận được báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình (Mẫu báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình Phụ lục 1d Quy định này) của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD (mẫu thông báo kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng Phụ lục 1e Quy định này);

o Thực hiện kiểm tra, lập biên bản kiểm tra và Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng cho chủ đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy định này).

- Đối với công trình cấp I trở lên, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

❖ Nội dung và phương pháp kiểm tra:

- Kiểm tra hiện trạng các bộ phận công trình bằng trực quan và kiểm tra, đối chiếu các số liệu quan trắc, đo đạc so với yêu cầu của thiết kế;

- Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế dựa trên hồ sơ hoàn thành công trình (Phụ lục 3 kèm theo công văn này);

- Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền yêu cầu chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra hồ sơ, đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế;

- Trường hợp kiểm tra hồ sơ phát hiện thấy tổ chức thí nghiệm không đủ

điều kiện năng lực theo quy định, số liệu kết quả thí nghiệm không đủ độ tin cậy; kiểm tra hiện trạng bằng trực quan, các số liệu quan trắc, đo đạc cho thấy công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế (ngiên, lún, nứt, thấm ... vượt quy định cho phép) thì cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu chủ đầu tư tổ chức thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình.

❖ Chi phí kiểm tra:

Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán và tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình bao gồm:

- Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm: (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, ở, ...) được tính theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính;

- Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điểm 3.5 Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 25/5/2010 của Bộ Xây dựng; giá trị căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện được tính theo quy định tại Phụ lục hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng lập dự toán dự trừ chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu và gửi cho chủ đầu tư phê duyệt.

❖ Thông báo kết quả kiểm tra:

Kết thúc từng đợt kiểm tra, cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả kiểm tra, nêu rõ các vấn đề tồn tại (nếu có) để chủ đầu tư khắc phục;

Trên cơ sở kết quả kiểm tra công trình lần cuối, nếu hiện trạng chất lượng công trình và hồ sơ hoàn thành công trình đáp ứng được yêu cầu của thiết kế và quy định của pháp luật, đảm bảo đủ điều kiện khai thác và sử dụng công trình thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo chấp thuận cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng;

Trường hợp công trình có biểu hiện không đảm bảo an toàn vận hành, khai thác và sử dụng (an toàn chịu lực, an toàn phòng cháy và chữa cháy, an toàn môi trường và các an toàn khác theo quy định của pháp luật có liên quan); vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình thì cơ quan chuyên môn về xây dựng không chấp thuận cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng chỉ được thực hiện nếu các bên có liên quan khắc phục, giải quyết được các tồn tại và vi phạm nêu trên.

đ) Sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện tổ chức bàn giao hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5. Công tác Bảo hành và giải quyết sự cố trong thi công xây dựng:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Quy định này;

b) Khi xảy ra sự cố trong thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm: báo cáo sự cố, tham gia giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố, lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 24, 25, 26, 27 của Quy định này.

**Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng (thực hiện Điều 14 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):**

1. Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư; lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt; sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc khảo sát.

2. Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng; tổ chức tự giám sát trong quá trình khảo sát.

3. Bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát; thực hiện bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát; phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát.

4. Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng và hợp đồng; kiểm tra, khảo sát lại hoặc khảo sát bổ sung khi kết quả khảo sát xây dựng không phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình hoặc không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát.

**Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế (thực hiện Điều 15, Điều 19, Điều 28 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):**

1. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong khảo sát xây dựng, bao gồm:

a) Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng phù hợp với yêu cầu của từng bước thiết kế khi có yêu cầu của chủ đầu tư theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 10/2013/TT-BXD; kiểm tra sự phù hợp của số liệu khảo sát với yêu cầu của bước thiết kế, tham gia nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng khi được chủ đầu tư yêu cầu;

b) Kiến nghị chủ đầu tư thực hiện khảo sát xây dựng bổ sung khi phát hiện kết quả khảo sát không đáp ứng yêu cầu khi thực hiện thiết kế hoặc phát hiện những yếu tố khác thường ảnh hưởng đến thiết kế.

2. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong thiết kế xây dựng, bao gồm:

a) Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế; sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình;

b) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình; lập hồ sơ thiết kế đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, nội dung của từng bước thiết kế, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện thay đổi thiết kế theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

c) Lập chỉ dẫn kỹ thuật theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

d) Lập và bàn giao cho chủ đầu tư Quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế cùng với hồ sơ thiết kế theo quy định tại mục a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 6/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

3. Trách nhiệm giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình:

a) Cử người đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng theo chế độ giám sát không thường xuyên hoặc giám sát thường xuyên nếu có thỏa thuận riêng với chủ đầu tư trong hợp đồng;

b) Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu giám sát thi công xây dựng; thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng;

c) Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công xây dựng, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư;

d) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu phải có ý kiến kịp thời bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

**Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình (thực hiện Điều 27 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):**

1. Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với công việc xây dựng, loại, cấp công trình.

2. Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát; lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng.

3. Thực hiện giám sát thi công xây dựng theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng, đề cương đã được chủ đầu tư chấp thuận và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

4. Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

5. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng tương ứng với phần công việc do mình thực hiện, kể cả sau thời gian bảo hành.

**Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng (thực hiện Điều 25 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):**

1. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.

2. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa các bên trong trường hợp áp dụng hình thức tổng thầu thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình và các hình thức tổng thầu khác (nếu có).

3. Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình, tiến độ thi công, trụ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác; bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng công trình; đảm bảo chất lượng công trình và an toàn trong thi công xây dựng.

6. Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường.

7. Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây dựng;

8. Quản lý công tác an toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

9. Sửa chữa sai sót, kiểm soát chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

10. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình và bản vẽ hoàn công theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

11. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

12. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

13. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 21, Điều 22 của Quy định này.

**Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng (thực hiện Điều 26 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):**

1. Đảm bảo chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật được công bố áp dụng và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đáp ứng được yêu cầu của thiết kế.

2. Cung cấp cho bên giao thầu đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan tới sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo quy định về nhãn mác sản phẩm, hàng hóa.

3. Thực hiện việc chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng.

4. Thực hiện các thỏa thuận với bên giao thầu về quy trình và phương pháp kiểm tra chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị và cấu kiện xây dựng trước và trong quá trình sản xuất cũng như trong quá trình cung ứng, sử dụng, lắp đặt vào công trình. Hình thức kiểm soát chất lượng sản phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5. Thực hiện trách nhiệm bảo hành đối với sản phẩm do mình cung cấp cho công trình theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Quy định này.

**Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng công trình xây dựng:**

1. Tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2011/TT-BXD ngày 06/4/2011 của Bộ Xây dựng.

2. Thực hiện kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (theo quy định tại Khoản 8 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP); thực

hiện kiểm định theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố (theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP).

3. Việc kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình (theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD) được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Được quy định trong hợp đồng xây dựng hoặc chỉ dẫn kỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế;

b) Khi công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng có biểu hiện không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế;

c) Khi xảy ra sự cố trong quá trình thi công xây dựng ảnh hưởng tới chất lượng của bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng;

d) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng khi cần thiết;

4. Lập đề cương kiểm định trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

**Điều 20. Trách nhiệm của Cơ sở quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng** (thực hiện theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

1. Tổ chức và hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy định tại Chương IV của Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD. Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận.

2. Khi được Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng kèm bản sao quyết định công nhận, danh mục các phép thử kèm theo quyết định.

3. Thực hiện theo Hợp đồng xây dựng các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng hoặc lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 24 của Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD.

## Chương V

### QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ BẢO HÀNH, SỰ CỐ, GIÁM SÁT CỘNG ĐỒNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

**Điều 21. Bảo hành công trình xây dựng** (thực hiện Điều 34 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm bảo hành công trình; nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành thiết bị công trình. Thời hạn bảo hành công trình thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình phải thực hiện việc bảo hành sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư yêu cầu sửa chữa, khắc phục các hư hỏng xảy ra tại công trình. Nếu các nhà thầu nêu trên không tiến hành bảo hành thì chủ đầu tư có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc bảo hành, kinh phí thuê được trừ vào tiền bảo hành công trình xây dựng.

3. Chủ đầu tư phải thỏa thuận trong hợp đồng với các nhà thầu tham gia xây dựng công trình về quyền và trách nhiệm của các bên trong bảo hành công trình xây dựng; mức tiền bảo hành và việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

**Điều 22. Trách nhiệm của các bên về bảo hành công trình xây dựng** (thực hiện Điều 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm sau:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập và phê duyệt quy trình vận hành, bảo trì công trình và giao cho chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình thực hiện việc vận hành, bảo trì công trình theo đúng quy định của quy trình vận hành, bảo trì công trình;

b) Kiểm tra, phát hiện hư hỏng của công trình để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình sửa chữa, thay thế; giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng;

c) Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình, các nhà thầu này chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức khắc phục ngay sau khi có yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình và phải chịu mọi chi phí khắc phục;

b) Từ chối bảo hành trong các trường hợp hư hỏng phát sinh không phải do lỗi của nhà thầu gây ra hoặc do nguyên nhân bất khả kháng.

3. Nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình và các nhà thầu khác có liên quan chịu trách nhiệm về chất lượng công trình tương ứng với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành.

**Điều 23. Phân loại, phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng (thực hiện Điều 36 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Các loại sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng (gọi chung là sự cố), bao gồm: Sự cố công trình (công trình chính, công trình phụ trợ, công trình tạm, công trình lân cận); sự cố mất an toàn lao động của người hoặc thiết bị thi công xây dựng; sự cố cháy, nổ xảy ra trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình xây dựng.

2. Cấp sự cố được chia thành bốn cấp theo mức độ thiệt hại về người và vật chất, bao gồm: cấp đặc biệt nghiêm trọng, cấp I, cấp II và cấp III. Phân cấp sự cố thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

**Điều 24. Báo cáo sự cố (thực hiện Điều 37 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Ngay sau khi xảy ra sự cố, bằng phương pháp nhanh nhất chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng phải báo cáo tóm tắt về sự cố cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và cơ quan cấp trên của mình, Ủy ban nhân dân cấp xã ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh về sự cố.

2. Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng báo cáo về sự cố bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và UBND tỉnh nơi xảy ra sự cố. Đối với tất cả các loại sự cố, nếu có thiệt hại về người thì chủ đầu tư còn phải gửi báo cáo cho Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sau khi nhận được báo cáo bằng văn bản hoặc nhận được thông tin về sự cố, UBND tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo sự cố cho Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các sự cố đặc biệt nghiêm trọng, sự cố cấp I và các sự cố khác có thiệt hại về người.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng các cấp được quyền yêu cầu chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng và các bên liên quan cung cấp thông tin về sự cố.

5. Đối với sự cố mất an toàn lao động trong thi công xây dựng và sự cố cháy, nổ xảy ra trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng phải thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

**Điều 25. Giải quyết sự cố (thực hiện theo Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 24 của Quy định này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố. Trong trường hợp xảy ra sự cố đặc biệt nghiêm trọng gây thiệt hại lớn về người và vật chất, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

2. Việc phá dỡ, thu dọn hiện trường sự cố thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Sự cố phải được xác định đúng nguyên nhân để khắc phục triệt để, đảm bảo chất lượng công trình theo quy định của thiết kế. Sau khi khắc phục sự cố, công trình được thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng phải có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục sự cố tùy theo tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của sự cố.

**Điều 26. Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố (thực hiện Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố

UBND tỉnh giao Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với sự cố cấp II, cấp III như sau:

a) Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình thuộc chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 7 Điều 6 Quy định này;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Quy định này;

c) Phòng công thương (đối với các huyện), Phòng quản lý đô thị (đối với thị xã, thành phố) giúp UBND cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ được quy định tại Khoản 7 Điều 11 Quy định này. Trường hợp cần thiết, UBND cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định.

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất UBND tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố.

2. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều này có thể trực tiếp thực hiện giám định hoặc chỉ định tổ chức kiểm định có năng lực phù hợp thực hiện giám định sự cố.

4. Chủ đầu tư, các nhà thầu khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng và nhà thầu thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

5. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành động ngăn cản, can thiệp vào quá trình giám định nguyên nhân sự cố của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 27. Hồ sơ sự cố (thực hiện Điều 40 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)**

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm lập hồ sơ sự cố. Riêng sự cố nhà ở riêng lẻ của dân, UBND cấp xã lập hồ sơ sự cố.

2. Nội dung hồ sơ sự cố thực hiện theo các quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 40 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

#### **Điều 28. Giám sát của nhân dân về chất lượng công trình xây dựng (thực hiện Điều 9 Nghị định 15/2013/NĐ-CP)**

1. Tại các công trình xây dựng, chủ đầu tư phải treo biển báo tại công trường thi công, biển báo phải đặt ở vị trí dễ nhìn, dễ đọc để tạo điều kiện cho nhân dân giám sát, nội dung ghi trên biển báo thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Xây dựng.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm Quy định này, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời với chủ đầu tư, UBND cấp xã nơi đặt công trình hoặc cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

3. Chủ đầu tư, các cơ quan tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

#### **Điều 29. Xử lý vi phạm**

1. Khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh, thông qua công tác kiểm tra hoặc do tổ chức, cá nhân phản ánh, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng phải kịp thời yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục; Xử lý hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng theo quy định của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ Quy định

xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh VLXD; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở; hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo trình tự quy định của pháp luật; đồng thời, công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

2. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng được quyền tạm dừng thi công công trình và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn.

## **Chương VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 30. Xử lý chuyển tiếp**

Thực hiện theo Điều 35 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và Điều 9 Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng.

### **Điều 31. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cùng cố tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước, UBND tỉnh và nội dung cụ thể tại Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác với nội dung Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với UBND tỉnh xem xét, quyết định/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hồi



Phụng giá

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1564/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

.....(Tên Chủ đầu tư) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO VỀ THÔNG TIN  
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: ..... (1).....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình ..... báo cáo về thông tin của công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Tên công trình/hạng mục công trình:.....
2. Địa điểm xây dựng: .....
3. Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: .....
4. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu: (tổng thầu, nhà thầu chính; khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

Đề nghị ..... (1) ..... tổ chức kiểm tra công trình xây dựng theo thẩm quyền./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.



Phụ lục 1b

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1967/2014/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của Ủy ban Thường vụ UBND tỉnh Thanh Hoá)

..... (1) .....  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... / ..... ngày..... tháng..... năm.....

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH  
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Kính gửi: ..... (tên chủ đầu tư) .....**

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ báo cáo về thông tin công trình/hạng mục công trình tại văn bản số .... ngày ... tháng ... năm ...;

..... (1) ..... thông báo kế hoạch kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình như sau:

1. Tên giai đoạn kiểm tra.
2. Thời gian kiểm tra.
3. Thành phần kiểm tra (tên, chức vụ các cá nhân thực hiện kiểm tra và tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra (nếu có)).
4. Nội dung và hồ sơ, tài liệu kiểm tra (tham khảo Phụ lục 2 của Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013).
5. Các ý kiến khác (nếu có).

Đề nghị Chủ đầu tư tập hợp hồ sơ, tài liệu và mời các đơn vị liên quan làm việc với đoàn kiểm tra của ..... (1) .....

..... (1) .....  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Lưu ...

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.



Phụ lục 1c

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1962/2014/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

..... (1) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

### KẾT QUẢ KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: .....(tên chủ đầu tư).....

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ báo cáo về thông tin công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ..... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn kế hoạch kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại văn bản số ..... Ngày ... tháng ..... năm... ;

Căn cứ biên bản kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng tại hiện trường ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

..... (1) ..... thông báo kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình như sau:

1. Tên giai đoạn kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra.

3. Nhận xét về hiện trạng chất lượng của công trình/ hạng mục công trình.

4. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua các nội dung đã kiểm tra.

5. Các ý kiến khác (nếu có).

6. Kế hoạch kiểm tra lần sau: (tên giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng công trình).

Nơi nhận:

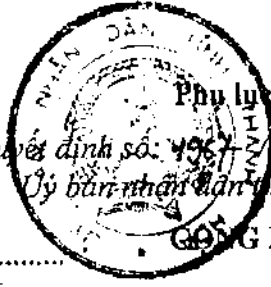
- Như trên;

- Lưu ...

..... (1) .....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.



(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4367/QĐ-UBND ngày: 25/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

.....(Tên Chủ đầu tư) .....  
Số: ..... / .....  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

Kính gửi : ..... (1).....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình ..... báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình với các nội dung sau :

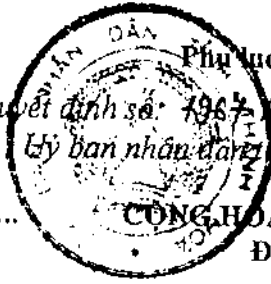
1. Tên công trình/hạng mục công trình:.....
2. Địa điểm xây dựng .....
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (ghi rõ các điều kiện để được nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định của pháp luật).

Đề nghị ....(1)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- ..... (2) ....(để biết);  
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

- (1). Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Điều 25 Thông tư này.
- (2). Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 25 Thông tư này.



Phụ lục 1e

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1967~~ 2014/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

..... (1) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

### KẾ HOẠCH KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG

Kính gửi: .....(tên chủ đầu tư).....

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10 /2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ..... ngày ... tháng ..... năm.....;

..... (1) ..... thông báo kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng như sau:

1. Thời gian kiểm tra.
2. Thành phần kiểm tra (tên, chức vụ các cá nhân thực hiện kiểm tra và tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra (nếu có)).
3. Nội dung và hồ sơ, tài liệu kiểm tra: (tham khảo Phụ lục 2 của Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013).
4. Các ý kiến khác (nếu có).

Đề nghị Chủ đầu tư tập hợp hồ sơ, tài liệu và mời các đơn vị liên quan làm việc với đoàn kiểm tra của..... (1) .....

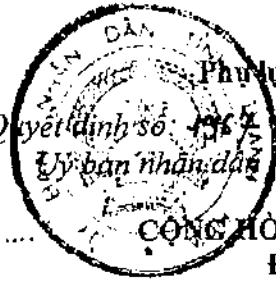
..... (1) .....  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu ...

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.



Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1367/2014/QĐ-UBND ngày 25/16/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU  
ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG**

Kính gửi: .....(tên chủ đầu tư).....

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm....;
- Căn cứ biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tại hiện trường (2) ngày ... tháng ... năm....;

... (1) ... thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng như sau:

Sau khi kiểm tra, ..... (1) ..... thông báo kết quả kiểm tra công trình/hạng mục công trình ..... (tên công trình/hạng mục công trình) hoàn thành trước khi đưa vào sử dụng như sau:

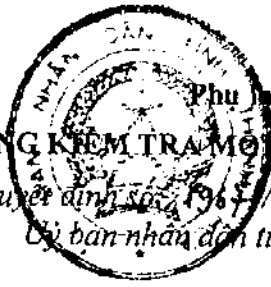
1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng công trình/hạng mục công trình.
2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.
3. Kết luận:  
Đồng ý/Không đồng ý cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
4. Các ý kiến khác nếu có:

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu ...

..... (1) .....  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư được quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

(2) Đại diện các bên tham gia kiểm tra bao gồm: cơ quan chuyên môn về xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu xây dựng công trình có liên quan ký tên trong biên bản kiểm tra.



Phụ lục 3

### NỘI DUNG KIỂM TRA MỘT SỐ HỒ SƠ CHÍNH YẾU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1967/2014/QĐ-UBND ngày 15/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

CÔNG TRÌNH: .....

ĐỊA ĐIỂM: .....

CHỦ ĐẦU TƯ: .....

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan
<b>A</b>	<b>HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>			
1	Chủ trương đầu tư	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19/06/2010.  Điều 5 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
II	Dự án đầu tư xây dựng công trình			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Năng lực đơn vị lập dự án	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 41 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP  Điều 42 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
2	Thuyết minh dự án	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 7 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
3	Thuyết minh, bản vẽ thiết kế cơ sở	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
4	Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Nghị định số 29/2011/NĐ-CP
5	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.
6	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Nghị định 35/2003/NĐ-CP; Nghị định 46/2012/NĐ-CP

7	Báo cáo thẩm định dự án	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 10, Điều 11 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
8	Quyết định đầu tư xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 12 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
III	Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Văn bản thỏa thuận đấu nối điện với đơn vị phân phối điện.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Thông tư 32/2010/TT-BCT ngày 30/7/2010 quy định hệ thống điện phân phối.
2	Văn bản thỏa thuận đấu nối đường giao thông (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
3	Văn bản thỏa thuận cấp nước với đơn vị cung cấp nước	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
4	Văn bản thỏa thuận đấu nối vào hệ thống thoát nước khu vực	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
5	Giấy phép xây dựng được cấp hoặc quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Nghị định số 64/2012/NĐ-CP
<b>B</b>	<b>QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>			
I	Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Năng lực nhà thầu khảo sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 45, 46 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
2	Nhiệm vụ khảo sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 8 Thông tư số 10/2013/TT-BXD

3	Phương án kỹ thuật khảo sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
4	Năng lực nhân sự giám sát khảo sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP
5	Báo cáo kết quả khảo sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 11 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
6	Nghiệm thu kết quả khảo sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 12 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
II	Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công)	Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan		
1	Năng lực nhà thầu thiết kế	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 47, 48, 49 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
2	Bản vẽ thiết kế	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 14 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
3	Chỉ dẫn kỹ thuật	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 6 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
4	Kết quả thẩm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP Thông tư số 13/2013/TT-BXD
5	Báo cáo thẩm định thiết kế của chủ đầu tư	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 20 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP
6	Quyết định phê duyệt thiết kế	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 20 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP
7	Nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 15 Thông tư số 10/2013/TT-BXD

C QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG				
1	Năng lực chủ thể tham gia xây dựng công trình			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Nhà thầu thi công xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 52, 53 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
2	Nhà thầu giám sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 51 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
3	Ban quản lý dự án	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP Khoản 3 Điều 3 Thông tư 22/2009/TT-BXD
4	Tư vấn quản lý dự án (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 43, 44 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
5	Tổ chức kiểm định (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 7 Thông tư 03/2011/TT-BXD
6	Tổ chức thí nghiệm	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD Điều 7 Thông tư 03/2011/TT-BXD
II	Kế hoạch và biện pháp kiểm soát chất lượng công trình			
1	Sơ đồ tổ chức quản lý chất lượng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
2	Quy trình kiểm tra, giám sát thi công xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
3	Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ trong thi công xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 6 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
4	Nhật ký thi công xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD

III	Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần sàn nền			Theo các văn bản trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Bản vẽ hoàn công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
3	Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
4	Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
5	Nghiệm thu chất lượng thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
6	Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
7	Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
IV	Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần cọc móng			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Bản vẽ hoàn công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3	Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
4	Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm - Thí nghiệm sức chịu tải cọc thí nghiệm - Thí nghiệm chất lượng bê tông cọc ...	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
5	Biên bản cho phép thi công cọc đại trà của nhà thầu thiết kế	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
6	Nghiệm thu chất lượng thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
7	Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
8	Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
V	Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần kết cấu móng, thân			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Bản vẽ hoàn công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
3	Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
4	Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng

5	Nghiệm thu chất lượng thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
6	Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
7	Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công - Thiết bị nâng, vận chuyển người và thiết bị.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
VI	Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần cơ điện và hoàn thiện			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Bản vẽ hoàn công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.
3	Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
4	Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
5	Nghiệm thu chất lượng thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
6	Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng

7	Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công - Thiết bị nâng, vận chuyển người và thiết bị. ...	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
8	Quản lý chất lượng thiết bị lắp đặt vào công trình: - Điều hòa không khí. - Thang máy ...	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD
VII	Các tài liệu khác			Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
1	Chống sét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Báo cáo kết quả kiểm tra điện trở
2	Môi trường: Giấy phép xả thải vào lưu vực nguồn nước	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường
3	Phòng cháy và chữa cháy: - Văn bản nghiệm thu về PCCC; - Văn bản thông báo cam kết với cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy; đồng thời, gửi kèm theo các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Nghị định 35/2003/NĐ-CP; Nghị định 46/2012/NĐ-CP
4	Hồ sơ khác phục sự cố (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Điều 40 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP
5	Quy trình vận hành, quy trình bảo trì công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	Nghị định số 114/2010/NĐ-CP; Thông tư số 02/2012/TT-BXD

## DANH MỤC BẢN VẼ HOÀN CÔNG

(Kèm theo Hồ sơ thi công - Nghiệm thu công trình giai đoạn ....)

STT	Tên bản vẽ	Số hiệu bản vẽ	Ghi chú

## DANH MỤC CÁC BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

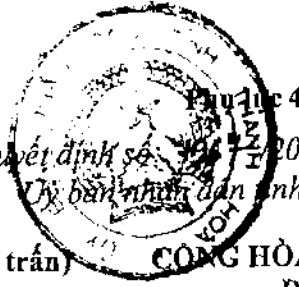
(Kèm theo Hồ sơ thi công - Nghiệm thu công trình giai đoạn .....)

STT	Công việc nghiệm thu	Ngày nghiệm thu	Số biên bản	Ghi chú

## DANH MỤC CHỨNG CHỈ VẬT LIỆU

(Kèm theo Hồ sơ thi công - Nghiệm thu công trình giai đoạn ...)

STT	Tên vật liệu	Biên bản lấy mẫu	Chứng chỉ xuất xưởng	Kết quả TN chất lượng	Ghi chú
		Số Biên bản	Số chứng chỉ	Số phiếu KQ	
		Ngày tháng năm	Ngày TN	Ngày TN	
			Tên nhà SX	Tên PTN	



(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 15/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

UBND phường (xã, thị trấn) \_\_\_\_\_ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng .... năm 201 ...

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15/11 hàng năm)

Kính gửi: Phòng Công thương hoặc Phòng Quản lý đô thị (huyện; thị xã, thành phố) ...

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số ..../2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh, UBND phường (xã, thị trấn) ..... báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên Chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu TVGS	Tên nhà thầu thị công XD	Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
I										
...										

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

(Ký tên, đóng dấu)